



gǔ wù

古物

noun · ancient artifact

Example Sentences

Bó wù guǎn lǐ yǒu hěn duō gǔ wù

博物馆里有很多古物。

There are many ancient artifacts in the museum.

Zhè xiē gǔ wù shì cóng dì xià wā chū lái de

这些古物是从地下挖出来的。

These ancient artifacts were dug up from underground.

Zhuān jiā zhèng zài jiàn dìng zhè pī gǔ wù de nián dài

专家正在鉴定这批古物的年代。

Experts are dating this batch of ancient artifacts.

Trace each character, then write the word on your own.

古 古 古 古 古 古 古 古

物 物 物 物 物 物 物 物 物 物 物